

# Việt Nam - Trung Quốc .Hai Quốc Gia . Một Định Mệnh

*Bùi Khiết*

Ngày 11 tháng 11 năm 2010, tại Saigon khi tham dự "Hội Thảo Quốc Tế Biển Đông" Học giả Trung Quốc là tiến sĩ Vương Hàn Lĩnh được một phóng viên Việt Nam tên là Huỳnh Phan thuộc báo mạng " Tuần Việt Nam" phỏng vấn.

Tiến sĩ Vương Hàn Lĩnh hiện đang công tác tại Học viện Khoa Học Xã Hội Trung Quốc. Khi trả lời những câu hỏi về Biển Đông và chủ quyền các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tiến sĩ Lĩnh đã hồn nhiên trả lời; " Tất cả những quần đảo nằm trong đường chữ U chín đoạn (đường Lưỡi Bò) là thuộc về Trung Quốc và Trung Quốc đã thực thi chủ quyền và quyền tài phán từ lâu cách đây hơn 2000 năm" và ông còn nói thêm "cho đến năm 1885 Việt Nam vẫn là thuộc quốc của Trung Quốc".

Lời phát biểu trên đã khiến nhiều người thắc mắc và không đồng ý, vì lập luận như vậy có nghĩa là:

- Gần như toàn bộ hải phận VN thuộc Trung Quốc.

- Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu nay người VN vẫn thấy là của mình và vẫn thường xuyên khai thác hải sản nay Trung Quốc nhận là của họ.

- Ngay cả quốc gia VN cũng là phần đất của họ (thuộc quốc) cho đến năm 1885 bị Pháp xâm chiếm.

Đây là nhận định của chính quyền Trung Quốc mà học giả Vương Hàn Lĩnh chỉ là cái ống loa nhắc lại.

Tất nhiên người dân VN nghe vậy đều chói tai. Nhưng ngay cả lịch sử VN dựa theo lịch sử Trung Quốc cũng đã chấp nhận VN bị TQ đô hộ 1000 năm và là một quốc gia mỗi khi có sự thay đổi triều đại đều phải xin phong vương và có triều cống. Như vậy VN là một thuộc quốc. Nhiều sử gia VN cũng chấp nhận ý kiến này.

Ngày nay các tài liệu lịch sử phong phú không còn bị bưng bít và bóp méo như xưa, nên đã đến lúc ta cần phải suy nghĩ lại. Thực sự TQ có phải là một cường quốc luôn luôn ức hiếp VN và dưới thời nhà Nguyên và nhà Thanh, VN đã anh dũng đẩy lùi quân TQ. Tài liệu lịch sử đã minh xác VN thắng quân Nguyên và quân Thanh chứ không thắng quân TQ. Tại hai thời kỳ đó TQ là thuộc quốc của Mông Cổ và Mãn Châu. Năm 1885, Mãn Thanh cai trị TQ. TQ là thuộc quốc của Mãn Châu. Còn VN là một nước độc lập.

Vương Hàn Lĩnh nói VN là thuộc quốc của TQ là sai.

Các sử gia VN thường mắc cái bẫy lý luận của TQ là các triều đại Nguyên và Thanh là hai triều đại của lịch sử TQ. Đây là một sự "nhận vơ" , đánh lừa khiến trong tâm cảm của người Việt mang một dòng máu tự ti, lúc nào cũng sợ TQ. Mà trên thực tế không lân bang nào của TQ sợ TQ dù họ chấp nhận ảnh hưởng văn hóa.

Với bài viết này, người viết muốn chứng minh rằng không phải chỉ người VN đã biết "tránh voi chẳng xấu mặt nào" để đánh lừa cái tủi hổ thua kém, mà chính TQ là cha đẻ ra cái triết lý này đã đẩy lên thành một nghệ thuật xu nịnh, cầu cạnh, khép nép tinh vi, đó là cầu phong vương, triều cống và cắt đất.

Địa lý chính trị và nhân chủng phần nào cắt nghĩa sự yếu kém của TQ và của VN.

Dân TQ và dân Bách Việt (sống ở phía Nam sông Dương Tử) là giống dân văn minh. Họ sống định cư. sống dọc theo các nguồn nước ngọt và đồng bằng. Họ làm nhà cửa bằng thảo mộc. Họ trồng lúa gạo, lúa mì và các cây ăn trái. Họ nuôi gia súc, thực phẩm chính là ngũ cốc, rau cỏ. Họ sống quần cư cố định thành làng xóm và thành gia tộc. Họ có điều kiện no đủ để suy nghĩ về triết lý và tôn giáo. Các điều kiện văn minh của dân định cư này tạo cho họ tánh ưa truyền thống và không thích thay đổi. Họ sợ phiêu lưu mạo hiểm. Họ sống bám vào đất cát canh tác. Họ bám và dựa dẫm vào gia tộc, cộng đồng. Tình tình họ hiền hòa, bắt đầu dĩ lẫm mới phải chấp nhận chiến tranh. Kinh nghiệm cho biết chỉ có 2 địa hạt tạo cho họ có của cải. Đó là làm cấp chỉ huy và làm nghề nông. Vì ở quần cư, dựa dẫm vào nhau nên họ phải giữ cái tình để đối xử. Cho nên người dân TQ và người dân VN đều lấy 4 nghề chính và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên: Sĩ, Nông, Công, Thương.

Trái lại các dân tộc sống ở phía Bắc và phía Tây TQ thì trái ngược hẳn. Họ là dân du mục. Nơi đất sống của họ là những thảo nguyên bao la, những sa mạc bát ngát. Trong năm họ luôn luôn di động. Họ sống bằng thịt sống và sữa tươi. Của cải của họ là bầy gia súc gồm bò, ngựa, dê, cừu, lạc đà. Nơi đâu có nước và có đồng cỏ xanh tươi là họ xua đàn gia súc tới. Họ sống trong các lều bằng da thú gọi là Yurt. Và ngay cả quần áo của họ cũng bằng da. Họ cưỡi ngựa và bắn cung rất giỏi mục đích để bảo vệ đàn gia súc. Thể thao yêu thích của họ là môn vật lộn.

Dân du mục này có sức chịu đựng phi thường. Khi qua sa mạc họ chịu đựng một khí hậu nóng bức thường xuyên +40oC và có khi vào mùa đông khí hậu lạnh xuống dưới -45oC. Đôi khi trong những trận bão cát ngụt trời họ phi ngựa như tên bắn để lừa đàn gia súc.

Về vóc dáng họ to lớn hơn người TQ sống định cư. Họ luôn sống trên mình ngựa từ hồi còn thơ ấu. Bản chất ăn thịt sống khiến họ rất dữ dằn. Họ không sợ chiến tranh và họ có kinh nghiệm tác chiến, bao vây, tấn công của một bầy chó sói sa mạc. Họ thích tấn công và cướp bóc. Giống dân du mục phương Bắc này là một ám ảnh u sầu cho người dân TQ. Ngàn năm này qua ngàn năm khác cố công xây dựng Vạn Lý Trường Thành để ngăn ngừa mọi cuộc xâm lấn. Nhưng dù có Vạn Lý Trường Thành thì sức cản ngăn vẫn thường xuyên thất bại. Và lịch sử TQ là một lịch sử tủi nhục kéo dài đến năm 1911 là năm Tôn Dật Tiên lật đổ được triều đại Mãn Thanh.

Tóm lại có 2 nền văn minh là văn minh du mục và văn minh nông nghiệp đã va chạm mãnh liệt trên đất trời TQ.

TQ và VN. Hai quốc gia có cùng một định mệnh là ám ảnh sợ hãi từ những xâm lấn phát xuất từ phương Bắc. Họ cố gắng chiến đấu, để lùi dần về phương Nam. Họ cố tồn tại bằng sự chịu đựng khổ nhục như cầu hòa, triều cống, cắt đất và bỏ chạy. Nhưng vì sợ hãi bị diệt vong họ phải theo dết nên những kỳ công để cho con cháu hậu thế noi gương giữ vững tinh thần chiến đấu. Và dưới đây là những khổ cực nhục nhằn của dân tộc TQ qua mấy ngàn năm lịch sử. TQ gọi chung các dân tộc du mục hung hãn phương Bắc là Rợ Hồ.

**\* Đời Nhà Hán (-206 tới +220)** Sau khi nhà Tần bị chấm dứt, nhà Hán lên ngôi. Miền Trung Nguyên được coi là thời có thịnh trị nhưng thực tế lại bị các Rợ Hồ gồm người Mông Cổ, gốc Thổ Nhĩ Kỳ (Đột Quyết) thay nhau xâm lấn.

Chúa của họ gọi là Thiên Vu. Dưới mắt Thiên Vu TQ như một con heo yếu ớt, lúc nào cũng có thể đánh giết được. Vì vậy họ thường xuyên vượt qua Trường Thành vào cướp bóc, phía Tây TQ có giống Chi và Khương (Tây Tạng) cũng là dân du mục, đồng chủng với Mông Cổ cũng hung hãn không kém.

Vì Rợ Hồ quá mạnh, nên các vua Hán thường mưu mô lấy sự đút lót gọi là triều cống để lấy lòng mong tránh việc chiến tranh. Đồ cống thường là vàng, bạc và lụa là. Nhưng vì TQ quá yếu lại có tinh thần thích lo

lót nên các Thiên Vu thường đòi hỏi rất ngang ngạnh, vừa làm xấu mặt kẻ thù vừa thỏa mãn khi có quà tặng rất lạ. Thiên Vu đòi phải gả các công chúa đẹp về hầu hạ cho mình. Vua Hán phải chịu. Được thể, Thiên Vu tăng sức ép đòi vua Hán gởi vợ đẹp đang được sủng ái sang làm tỳ thiếp. Còn gì nhục nhã hơn. Nhưng vua Hán đã gởi nàng Chiêu Quân, người vợ đẹp, chung thủy sang đất Hồ. Câu chuyện bi thảm khi Chiêu Quân nước mắt ngấn dài theo từng tảng qua vạn dặm băng tuyết để rồi chết trên đất Hồ. Truyện "Chiêu Quân Cống Hồ" thành một tác phẩm văn chương lưu truyền cho tới ngày nay.

Năm 127 một tiểu quốc phía Bắc Ấn Độ gọi là Đại Nhục Chi lại đi thần phục nhà Hán. Thiên Vu cho thái độ đó là hèn nhát và qua mặt nên sai quân qua đánh, chém đầu vua Đại Nhục Chi đem về dùng làm bình chứa rượu. Vua Hán Võ Đế cảm thấy bị động chạm, bị dằn mặt nên sai Tô Vũ đi sứ Đại Nhục Chi để mong tái lập liên minh đánh lại Rợ Hồ, lúc gọi là Hung Nô. Nào ngờ dọc đường sứ bộ Tô Vũ bị Hung Nô bắt được. Để bêu nhục Hán Võ Đế, Thiên Vu không cho Tô Vũ về nước mà bắt làm tù binh đi chặn dê chặn cừu vào mùa tuyết lạnh. lại còn bắt phải lấy một phụ nữ rất xấu xí ở trong hẻm núi và loan truyền Tô Vũ đã lấy khi sau đó có sinh được một đứa con. Nhân một mùa tuyết lạnh Tô Vũ trốn thoát và tìm đường đến Đại Nhục Chi, dọc đường đói khát, cực khổ. Nào ngờ tới nơi vua Đại Nhục Chi sợ Hung Nô trả thù bèn làm mặt giận quát tháo từ chối đuổi Tô Vũ ra khỏi nước. Tô Vũ trên đường trốn tránh về TQ không may lại bị Hung Nô bắt. Được tin Tô Vũ bị nạn vua Hán sai hai tướng là Lý Quảng Lợi và Lý Lăng mang quân qua đánh Hung Nô, vừa để cứu Tô Vũ vừa để dương oai. Nhưng cả hai đoàn quân đều đại bại. Hai tướng trong cảnh tuyết lộ xin đầu hàng nhưng bị quân Hung Nô chém chết. Truyện Chiêu Quân Cống Hồ và truyện tranh Tô Vũ Chăn Dê quả là hai vết nhơ trong lịch sử TQ.

Đến đời Hán Tuyên Đế một bộ lạc Hung Nô tên là Ô Tôn mà theo người TQ thì "mắt xanh, râu đỏ như loài khỉ" ngang nhiên gởi sứ qua đòi gả một công chúa làm tỳ thiếp. Vua Hán ưng chịu. Một Thiên Vu của một bộ lạc khác cho rằng cưới như vậy là lấy xuông. Yêu cầu gởi trả lại TQ. Thiên Vu Ô Tôn không chịu gởi trả nên chiến tranh đã xảy ra. Năm đó có một cơn bão tuyết ghê gớm, quân hai bên chết như rạ nên cả hai bên đều lui quân. Nhưng Thiên Vu Ô Tôn không quên rước công chúa về dinh mình.

**\* Đời Nhà Tây Tấn (265-317)** Phía Bắc có 5 Rợ Hồ hùng mạnh gọi là Ngũ Hồ gồm: Hung Nô, Yết (hoặc Kiết), Mông Cổ, Mãn Châu (Tiên Ti), chủng loại Tây Tạng (Chi và Khương) đồng loạt vươt Vạn Lý Trường Thành chiếm lưu vực sông Hoàng Hà và phần lớn Trung Nguyên. Trong Ngũ Hồ có Hung Nô mạnh hơn cả. Thiên Vu của họ là Lưu Uyên muốn chiếm luôn TQ để lên ngôi Thiên Tử và có ý định từ bỏ du mục. Ông ta lập một triều đình như triều đình TQ và lấy Bình Dương, phía Nam Tây Sơn làm kinh đô. Sau khi chiếm hầu hết TQ, quốc hiệu Hán bị bỏ đi và triều đại mới gọi là Triệu.

Người hung nô đàn áp người TQ, cướp bóc tài sản, bắt cung cấp thực phẩm, biến một số ruộng nương làm đồng cỏ nuôi gia súc.

Người Hung Nô dần dần bỏ đời sống du mục, an hưởng trên sự nô lệ và phục tùng của người TQ. TQ đã biến thái và văn hoá có sự thay đổi. Một số kẻ sĩ và gia đình không thích nghi với xã hội mới bèn lần trốn về phương Nam.

Ngũ Hồ tranh nhau xâm chiếm TQ và tạo ra nhiều nước nhỏ. Với nước Triệu lớn nhất gồm Tiền Triệu, Hậu Triệu, Mộ Dung, Yên. Hậu Yên, Tây Yên, Tiên Tần, Hậu Tần, Tây Tần, Hậu Lương, Bắc Lương, Tây Lương, Nam Lương, Hậu Ngụy, v.v. Trung Quốc nát ra nhiều mảnh. Tất cả các vị vua nước nhỏ đều là Rợ Hồ. Người TQ chỉ làm nô tài, nô lệ mà thôi. Lúc đầu văn hoá du mục của các Rợ Hồ đã đồng hoá với văn hoá TQ.

Số người TQ chạy trốn xuông phương Nam sống với người Bách Việt, Dao, Thái, v.v. và những người TQ đã di cư từ trước lập ra một vùng định cư nông nghiệp lớn khác hẳn vùng Hồ khắc khổ phương Bắc.

\* **Đời Nhà Đường (618-906)** Rợ Đột Quyết (Thổ Nhĩ Kỳ) từ vùng Trung Á tiến qua sa mạc Qua Bích (Gobi) đánh thẳng vào TQ. Rợ Thổ Cốc Hồn (Tây Tạng) đánh qua. Quân Đột Quyết đánh chiếm luôn Tràng An là kinh đô nhà Đường. Vua Đường là Thế Dân phải tự trói lết tới đồn địch để cầu hòa. Theo tục lệ, tướng Đột Quyết chém con ngựa trắng, lấy máu, bắt Thế Dân quỳ lạy cúng thần rồi tha chết cho về. Rợ Thổ Cốc Hồn cũng đánh phá liên tục khiến nhà Đường phải bỏ đất lui về thế thủ. Các dân tộc Hồi ở Trung Á cũng nhân cơ hội đó xua quân vào chiếm đất là lập những thánh đường.

Cuộc xâm lăng của các Rợ Hồ đã mang tới TQ một nền văn hoá mới về ca, nhạc, kịch, nhảy múa. Các loại đàn khác lạ của Rợ Hồ, người TQ gọi là Hồ cầm.

Đời nhà Đường có một người đàn bà là Võ Tắc Thiên thường gọi là Võ Hậu là người ham quyền lực, tàn bạo và dâm dăng đã giành được ngôi vua. Bà dời đô từ Tràng An về Lạc Dương.

Năm 698 vua Rợ Đột Quyết không đòi cưới công chúa Đường mà đòi một Thế Tử TQ sang ở rể để làm con tin. Võ Tắc Thiên ưng thuận. Đột Quyết ghét Võ Tắc Thiên lại đòi phải đưa Trung Tôn dòng dõi nhà Đường đang bị đày ở Phòng Châu trở về lên ngôi. Dùng quân sự uy hiếp khiến Võ Tắc Thiên phải nhường ngôi sau đó ít lâu thì bà mất.

Năm 713 vua Huyền Tôn thường được gọi là Đường Minh Hoàng là một ông vua kém tài chính trị nhưng lại có khiếu văn nghệ và ăn chơi. Trong cung có một tên quan có tài nịnh bợ tên là Lý Lâm Phủ đưa đày người con dâu của Huyền Tôn đến hầu vua gây ra một vụ loạn luân bố chồng nàng dâu thật đáng chê trách. Người con dâu này rất xinh đẹp và khéo léo có tên là Dương Ngọc Hoàn, dân gian gọi nàng là Dương Quý Phi. Mỗi tình Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi được làm đề tài cho nhiều sáng tác văn nghệ. Lý do là Dương Quý Phi đưa người anh ruột là Dương Quốc Trung vô triều đình làm tướng.

Người này cùng Lý Lâm Phủ nắm mọi quyền hành trong triều đình, tạo bất công, gây nhiều bất mãn.

Một tướng biên thù là An Lộc Sơn mà mẹ là người Đột Quyết và bố là Mông Cổ thấy triều đình đổ nát bèn cử binh làm phản. Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi phải bỏ kinh đô trốn vào đất Thục (tỉnh Tứ Xuyên ngày nay). Đất Thục hoang vu, nghèo nàn khiến quân sĩ đói lạnh ai oán nổi lên giết chết Dương Quốc Trung và hai người em gái Dương Quý Phi. Ba quân còn hăng máu đòi chém luôn Dương Quý Phi vì cho rằng gia đình họ Dương đã gây nên khổ ải đi vào đất chết. Đường Minh Hoàng thấy không thể bảo vệ được bà vợ yêu quý đành để cấm binh ép buộc nàng tự tử treo cổ trên một cành cây bằng tấm lụa trắng.

Giặc Hồ nhân cơ hội này vào chiếm kinh đô, sau khi An Lộc Sơn bị chính con ruột tranh quyền giết chết. Từ đó dân TQ bị Rợ Hồ áp bức và vợ vét. Theo lịch sử họ tàn sát tới 2/3 dân số TQ từ 53 triệu giảm xuống còn 17 triệu.

Những câu chuyện huyền thoại bi thảm của Chiêu Quân, Tô Vũ, Đường Minh Hoàng, Dương Quý Phi đều có sự nhúng tay của Rợ Hồ phương Bắc.

Dân TQ chạy trốn về phương Nam sống chung với dân định cư phương Nam. Vì dân TQ càng đông nên họ chiếm lấn hết phương Nam, ép dân bản xứ Bách Việt hiền lành nhường cơm sẻ áo với họ, về một phương Nam xa hơn. Va 2 người TQ bỗng trở thành kẻ xa lạ, tham lam hơn là những người gặp cảnh ngộ khó khăn để được chia sẻ. Người phương Nam sợ và oán hận những người phương Bắc di tản tới. Về phương Nam người TQ cũng thay đổi ít nhiều với sự pha trộn văn hoá Bách Việt. Họ thành lập 7 nước như: Ngô, Ngô Việt, Nam Hán, Bắc Hán, Tiền Thục, Sở, Mân. Nếu ở lại họ sợ Rợ Hồ bao nhiêu thì phiêu bạt đến phương Nam họ cũng nhiễm cái tàn ác man rợ của Rợ Hồ khi đối xử với dân bản địa. Tất cả những cái gì hay, tốt đẹp của Bách Việt họ đều chiếm đoạt và xưng tụng là của TQ.

**\* Đời Ngũ Đại (907-960)** Nhà Đường chấm dứt vào năm 907 thay thế bằng đời Ngũ Đại. Thời đó các Rợ Hồ phương Bắc tràn vô hầu hết các miền trên đất TQ. Họ tạo ra 10 nước riêng rẽ, đánh lộn tranh dành nhau khiến dân tình rất khổ sở. Trong các Rợ đó có Rợ Khiết Đan thuộc miền Đông Bắc TQ (Mãn Châu) là có nhiều thế lực hơn cả. Khi trở thành một nước mạnh họ lấy quốc hiệu là Liêu và luôn luôn dòm ngó về miền Trung nguyên.

**\* Đời Nhà Tống (960-1126)** Đời Ngũ Đại đất nước rất loạn lạc. Một nhân vật tên là Triệu Khuông Dẫn nổi lên như một sứ quân. Khuông Dẫn không có tài nhưng là người đức độ nên được đồng đảng tôn lên làm vua và lấy quốc hiệu là Tống. Có người bàn mưu cho ông biết rằng Rợ Khiết Đan nay đã là Liêu Rất mạnh. Đụng độ thì ắt phải thua. Tốt nhất là nên lui về phương Nam và tiêu diệt các sứ quân yếu khác để tồn tại. Bảy nước yếu, nhỏ ở phương Nam đã bị Tống thôn tính. Khi Tống đã mạnh lên xong người TQ luôn luôn ám ảnh về sự bị tiêu diệt bởi phương Bắc mà nay là Liêu, nên Tống hết sức tránh né mọi va chạm với Liêu. Về ngoại giao Tống triệt để áp dụng phương thức chịu nhục " tránh voi chẳng xấu mặt nào" để tồn tại. Ngoài nước Liêu còn có nước Tây Hạ thuộc Rợ Thát Bạt đã chiếm cứ các vùng Thiểm Tây, Cam Túc, Tuy Viễn cũng là một lực lượng mà Tống rất e ngại. Để có hoà bình vua Tống đề nghị :

- Với nước Liêu: Vua Tống mỗi năm xin triều cống

- 10 vạn lạng bạc

- 20 vạn tấm lụa

- Và xin làm em vua Liêu

- Với nước Tây Hạ: Tống mỗi năm cũng xin cống

- 25 vạn lạng bạc

- 25 vạn lạng trà

Nhờ có triều cống mà Tống có hoà bình. Tướng sĩ sinh ra biếng nhác, tinh thần yếu đuối suy nhược. Các Rợ khác thấy Tống nhu nhược cũng đòi triều cống.

Hai nước Liêu và Tây Hạ vốn là dân du mục nay được cống thực phẩm, bạc, lụa, gái đẹp, nô lệ nên cũng đổi dần cách sống gần như dân bản địa TQ.

Vì bị ngoại bang bóc lột nên nước Tống rất nghèo đến nỗi vua Nhân Tôn (1023-1063) có lúc đói mà thèm món thịt dê cũng không có, quần áo của vua là loại vải thô. Một vị quan rất giỏi và nổi tiếng là Vương An Thạch cố gắng đưa ra những biện pháp cải cách kinh tế nhưng bị nhóm quan thủ cựu cản trở nên đã không thành công. Dân gian đói khổ, oán than. Vua Tống nghĩ quần dùng biện pháp chiến tranh với Tây Hạ để làm chủ dư luận hầu gây lại uy tín. Năm 1075 vua Tống tấn công Tây Hạ, tuy thắng được vài trận nhỏ nhưng sau đó thì đại bại, 60 vạn quân Tống bị tiêu diệt. Mất người, tổn của vua Thần Tôn ôm mặt khóc lóc bỏ ăn bỏ ngủ nhiều ngày.

Thấy Tống thua Tây Hạ, nước Liêu bèn dàn quân đòi Tống nhượng đất. Vua Tống đành phải cắt 700 dặm để dâng cho Liêu.

\* Với nước Đại Việt (Việt Nam) Thất bại ở phương bắc, vua Tống vẫn nghĩ đến việc tìm kiếm một chiến thắng quân sự để củng cố niềm tin. Quân Tống dự định tấn công VN, nào ngờ triều đình VN lúc bấy giờ là Lý Thần Tôn đã ra tay trước. Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn quân chia làm 2 đạo đánh vào 2 châu Khâm và châu Liêm (thuộc tỉnh Quảng Tây) . Quân VN đại thắng giết hại 2 vạn quân TQ. Năm sau

vua Tống muốn phục thù cho quân xâm lược VN bị Lý Thường Kiệt đánh tan trên sông Như Nguyệt (sông Cầu thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay).

\* Với nước Kim (Rợ Kim) và Bắc Tống. Nhà Tống cầm quyền đã trên 100 năm mà không sao giải quyết được 2 cái họa Liêu và Tây Hạ nay lại thêm một cái họa lớn nữa là Rợ Kim.

Nhà văn Kim Dung trong cuốn truyện võ hiệp " Anh Hùng Xạ Điêu" đã dùng bối cảnh lịch sử bang giao giữa 3 nước Tống-Kim-Mông Cổ vào thời đó để dựng truyện.

Lại lịch nước Kim như sau. Ở miền thượng du Hắc Long Giang có một bộ tộc mà người TQ phiên âm là Nữ Chân cũng là một bộ tộc ở Mãn Châu. Thế kỷ 11 họ là một thành phần của nước Liêu. Đến thế kỷ 12 Nữ Chân nổi dậy chiếm một phần đất của Liêu lập nên nước Đại Kim. Vua Tống thấy nội tình vùng này có sự chia rẽ bèn mưu tìm can thiệp. Tống liền sai sứ mưu liên kết với Đại Kim để diệt Liêu. Với thỏa hiệp như sau:

Nếu liên quân Tống-Kim thắng thì Tống chỉ xin lấy lại phần đất năm xưa đã cắt cho Liêu. Còn lại bao nhiêu của cải, đất đai của Liêu là phần của Đại Kim hết. Để co kết quả của sự liên minh này, Tống hứa mỗi năm nộp cho Đại Kim 20 vạn lạng bạc và 30 vạn tấm lụa.

Cuộc tấn công bắt đầu, nhưng quân Tống đánh đâu cũng bị quân Liêu đánh thua, ngược lại quân Đại Kim lại thắng lớn quân Liêu. Nhiều khi Kim còn phải cứu nạn cho Tống nữa. Chán nản về sự yếu kém của Tống, Đại Kim cho rằng chỉ có một mình Kim có công diệt Liêu. Việc lễ đó bắt Tống mỗi năm phải trả thêm một triệu quan tiền thuế đất. Đất mà Tống đã lấy lại của Liêu theo hiệp ước. Việc nộp tiền thuế hơi chậm trễ, thế là Kim lấy cớ đem quân đánh Tống. Quân Tống đại bại. Dân chúng TQ sợ hãi nổi loạn khắp nơi. Vua Tống thấy tình thế nguy hiểm bèn chạy trốn xuống Giang Nam. Quân Kim tiến vào kinh đô. Mặt khác vua Tống gửi sứ giả xin cầu hòa. Kim đòi Tống muốn có hòa bình phải triều cống ngay theo đòi hỏi dưới đây. Nếu chậm trễ quân Kim sẽ truy kích. Cống vật gồm:

- 500 vạn lạng vàng
- 5000 vạn lạng bạc
- 100 vạn tấm lụa
- 1 vạn con ngựa và bò
- Cắt đất Hà Bắc cho Kim
- Vua Tống phải gọi vua Kim bằng bác xưng cháu
- Gửi thân vương và tể tướng qua Kim làm con tin.

Vua Tống không thể tưởng tượng được sự đòi hỏi lại lớn lao như vậy. Quân đội Tống được lệnh đi thu góp vàng bạc của dân chúng nhưng chỉ được

- 20 vạn lạng vàng
- 400 vạn lạng bạc
- Lụa và ngựa bò không đủ

Tài sản của dân TQ bị tước đoạt thảm hại. Đâu đâu cũng nổi lên những lời oán than. Quân Kim thấy tình trạng đó cho phép Tống nợ và trả dần. Kim rút quân về nước. Vua Tống trở lại kinh đô, hí hửng tưởng mọi việc đã tạm ổn định và tưởng Kim để dài bỏ qua luôn.

Nào ngờ không đầy một năm sau quân Kim bắt thần tấn công trở lại, vây hãm kinh đô. Vua Tống lần này phải trốn mình đi bộ tới trại Kim để xin cầu hòa lần nữa. Quân Kim trở mặt đòi hỏi rất nặng.

- 1,000 vạn lạng vàng
- 2,000 vạn lạng bạc
- 1,000 vạn tấm lụa

Vua Tống không biết làm sao thu góp đủ. Quân Kim liền bắt luôn vua Tống Khâm Tô, Thượng Hoàng Huy Tôn, Thái Tử, hậu phi và hoàng tộc tất cả 3000 người dẫn về nước Kim. Lại cho lệnh lính Kim được tự do cướp phá, tịch thu vàng bạc của cải, bắt đàn bà con gái trong kinh đô mang về nước. Đó là năm 1127. Đoàn người bị dẫn độ đói khát, rét lạnh chết dần chết mòn gần hết.

Đời Bắc Tống chấm dứt từ đây. Lịch sử ghi lại chưa bao giờ TQ lại bị nhục nhã như vậy. Quân Kim chiếm hết vùng Bắc Trung Hoa chỉ trừ đất Tây Hạ. Người Kim rất tham lam tàn bạo, họ chiếm ruộng đất, cướp bóc của cải. Họ coi người TQ như nô lệ. Đại Kim tìm một người Tống tên là Trương Bang Xương làm tay sai và phong cho làm Sở ĐẾ rồi rút một phần quân về. Vì Kim không đủ người để cai trị và thiếu quân canh giữ nên cứ để nước Tống làm chủ hầu với điều kiện hàng năm phải có triều cống vàng, bạc, lụa là và để có dịp lại lấy cớ cắt thêm đất như tâm ăn dâu vậy. Trương Bang Xương biết mình là bù nhìn không có khả năng bề kiếm một thân vương tôn làm vua gọi là vua Cao Tôn. Cao Tôn biết không thể khôi phục được vùng đất đã mất nên dời xuống phương Nam. Từ đó được các sử gia gọi là Nam Tống. Nay vua Nam Tống ở xa xuống phương Nam nên tránh được mọi va chạm với nước Kim. Từ đó Nam Tống và Đại Kim cân bằng thế lực. Tại miền Nam nhà Tống còn kéo dài thêm 150 năm nữa. Thời vua Cao Tôn, Nam Tống có một lỗi lầm lớn là nhà vua nghe lời một gian thần là Tần Cối đã giết chết một tướng giỏi là Tống Nhạc Phi có khả năng cự địch được với Kim. Nam Tống chủ trương cầu hòa bất cứ giá nào với Kim do đó năm 1141 vua Nam Tống xưng thần với Kim và được vua Kim phong cho chức Khang Vương. Vua Nam Tống cảm ơn và cắt đất phía bắc Hoài Thủy và Đại Tán Quan để nhường cho Kim. Rồi mỗi năm theo lệ phải cống:

- 25 vạn lạng bạc
- 25 vạn tấm lụa

Năm 1165 đời Hiếu Tôn (1163-1189), vua Kim giảm số lượng cống phẩm xuống:

- 20 vạn lạng bạc
- 20 vạn tấm lụa
- Vua Nam Tống phải gọi vua Kim là Bác và được coi là hàng con cháu.

Năm 1208 đời Minh Tôn (1196-1224) nước Kim có nội loạn, vua Nam Tống muốn nhân cơ hội đó đánh báo thù. Buồn thay Nam Tống lại thua to, phải xin nghị hòa. Nhưng vua Kim rất tức giận đòi hỏi cống phẩm phải tăng lên

- 30 vạn lạng bạc
- 30 vạn tấm lụa

- Cắt thêm một số đất

Từ đó Nam Tống chỉ còn giữ được lưu vực sông Dương Tử và vài tỉnh sát biển phía Nam.

Tóm lại triều đại nhà Tống gồm Bắc Tống, Nam Tống kéo dài từ năm 960-1278 hơn 300 năm luôn luôn bị người Liêu, Tây Hạ, Kim áp bức. TQ hầu như là bán thuộc địa của Kim.

Cho tới cuối thế kỷ thứ 12, hai nước Tống và Kim đã đi vào nề nếp trên dưới phân minh. Kim rút bớt đồ cống phẩm xuống còn

- 10 vạn lạng bạc

- 10 vạn tấm lụa

Hai bên đều xưng Đế, nhưng vua Tống phải gọi vua Kim là Bác và xưng cháu. Tóm lại vẫn là nước phụ dung của Kim. Dân Kim giảm cuộc sống du mục, dùng chữ Hán và yêu văn học TQ. Thời đại hòa bình khiến cả hai bên đều giảm việc binh bị thì một thảm khốc mới bắt đầu xuất hiện. Đó là sự ra đời của nước Mông Cổ .

\* **Với nước Mông Cổ (1277-1367).** Rợ Mông Cổ tự xưng là giống Sát Đát gồm nhiều bộ lạc Hung Nô, Đột Quyết (Thổ), Mông Cổ. Mông Cổ chiếm đa số. Tất cả đều có cuộc sống du mục. Quốc gia này cũng phát xuất từ phía Bắc Hắc Long Giang. Bản chất du mục vẫn là cuộc sống di chuyển trên mình ngựa, ăn thịt, uống sữa, bắn cung và chiến đấu rất mãnh liệt. Từ những thế kỷ trước tới thế kỷ XII cũng như nước Tống, Mông Cổ bị nước Kim thống trị. Khi Kim- Tống được hưởng hòa bình và giảm các hoạt động về binh bị thì Mông Cổ bắt đầu lớn mạnh và nhập cuộc. Vào đầu thế kỷ XIII Thiết Mộc Chân ( Temoudjine) lãnh chúa một bộ tộc Mông Cổ thống nhất được nhiều bộ tộc du mục khác nên năm 1206 lên ngôi Đại Hãn (Hoàng Đế) lấy hiệu là Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan)

Năm 1210 đánh kim, chiếm Tây Kinh. Kim bị thua lớn phải xin hòa và xin nộp cống vàng, bạc, lụa, phụ nữ. Lại còn phải dâng một công chúa thật đẹp cho Thành Cát Tư Hãn làm thiếp. Mông Cổ chấp thuận sự thần phục của nước Kim rồi chuyển hết quân đánh qua phía Tây chiếm nhiều nước tại Trung Á, tiến tới biển Hắc Hải. Cuối cùng là vây và hạ thành Kiev của nước Nga.

Về chiến thuật, Mông Cổ nêu rõ một nguyên tắc bất di bất dịch "Hàng thì có đãi ngộ mà nếu chống lại thì sẽ bị tàn sát tới ngọn cỏ lá cây".

Quân Mông Cổ chỉ biết có một thứ luật. Đó là luật lãnh tụ. Được lệnh tiến là phải tiến, dù tiến có phải chết. Tướng sĩ lúc nào cũng sẵn sàng trên yên ngựa trong cuộc trường chinh nhiều ngày trên những đoạn đường thật dài. Các sử gia Tây phương đã ghi nhận sự tàn bạo của lính Mông Cổ. Đốt phá, giết cả phụ nữ lẫn trẻ nhỏ. Sợ người chết cao như núi. Tới nước Nga rồi Thành Cát Tư Hãn ra lệnh rút về và chia đất đã chiếm được cho 4 con trai trở thành 4 Hãn quốc.

Quân trở về lại tiếp tục chiến dịch chinh phục phía Đông.

Hai đứa con khác là Oa Hoạt Đài và Hốt Tất Liệt có nhiệm vụ thanh toán các lực lượng đối kháng phía Đông gồm hai nước Kim và Tống. Oa Hoạt Đài sẽ diệt nước Kim và Hốt Tất Liệt mưu đồ diệt Tống. Để mưu đánh nước Kim, Mông Cổ sai sứ sang gặp vua Tống để lập một liên minh diệt Kim. Vua Tống rất mừng rỡ nghĩ có dịp trả thù và thu hồi lại đất đai đã mất. Liên quân Tống, Mông Cổ đại thắng Kim và xoá sổ nước này. Nhưng Mông Cổ bội ước đánh ngược lại quân Tống. Năm 1260 Thành Cát Tư Hãn mất, Hốt Tất Liệt lên ngôi gọi là Thế Tổ nhà Nguyên và tập trung quân đánh thẳng vào đất Tống. Tống quân đại bại và đã ba lần xin hòa và chỉ xin trở thành một tiểu quốc để lo tế tự Tiên đế. Nhưng Mông Cổ không chịu. cuối năm 1276, Mông Cổ bắt được vua Tống và toàn gia giải về phương Bắc trị tội. Toàn thể



đất đai của TQ bị đặt dưới sự đô hộ của người Mông Cổ. Triều đại Mông Cổ nhà Nguyên đã thống trị TQ 90 năm. (1)

Các sử gia TQ luôn luôn mập mờ cho rằng nhà Nguyên là một triều đại của TQ và coi sự xâm chiếm của Mông Cổ là một nội chiến. Thực tế Mông Cổ là quốc gia Mông Cổ không phải là TQ. Các sử gia Mông Cổ hiện đại cũng như chính quyền Mông Cổ hiện nay rất bức tức về điều mập mờ, gian lận này. Với ẩn ý là đất đai, lãnh thổ Mông Cổ thuộc TQ.

Trên thực tế Mông Cổ cai trị TQ 90 năm kể từ 1277-1367.

Một viên Thượng thư Mông Cổ nói: "Tụi TQ này không có ích lợi gì cho chúng ta hết. Ta phải giết hoặc đuổi chúng đi. Ruộng đồng của chúng sẽ là đồng cỏ nuôi ngựa". Một viên Thượng thư khác đề nghị: "Phải tiêu diệt 5 gia tộc lớn nhất của TQ để chúng khỏi cầm đầu phong trào chống lại chúng ta".

Hốt Tất Liệt đặt ra những luật lệ kỳ thị chủng tộc hiêm có ở các xã hội phương Đông trước đó. Xã hội TQ bị chiếm đóng chia làm 4 hạng người.

1 - Người Mông Cổ: Là tối ưu, được đặc quyền đặc lợi, có quyền sinh quyền sát người TQ.

2 - Người Trung Á : Đứng thứ hai là những người thuộc dân tộc Trung Á, đa số là dân du mục không phải là TQ. Họ thường có gốc gác là người Khiết Đan, Uy Ngô Nhĩ hoặc Tây Tạng mà văn hoá du mục và huyết thống rất gần gũi với Mông Cổ. Những người này gọi chung là "sắc mục" cũng được hưởng những đặc quyền về chức vụ chỉ huy, lợi lộc kinh tế

3- Người TQ gốc tích tại phía Bắc: Vì sống gần gũi với dân du mục nên đã đồng hóa ít nhiều với các Rợ. Đáng tin cậy một chút, được dùng làm nha lại, chỉ điểm.

4 - Người TQ gốc tích tại phái Nam thường dị ứng với văn hoá và lối sống du mục. Họ không được tin cậy. Phải coi chừng và thẳng tay đàn áp nếu cần. Cách phân loại trên dựa vào chủng tộc.

Còn về giai cấp trong xã hội thì người Mông Cổ sắp xếp thứ bậc 10 loại người. Hoàng gia Mông Cổ là ngoại hạng. Tất cả mọi người phải tôn kính và bị trừng trị nặng nề nếu tỏ ra bất kính.

1- Quan lớn trong triều phải là người Mông Cổ. Các quan cai trị đầu tỉnh là người Mông Cổ hoặc là người "sắc mục" là thứ bậc số 1. Ưu đãi mọi mặt về chính trị, kinh tế và luật pháp.

2- Quan nhỏ quận huyện địa phương thường là người "sắc mục" Trung Á.

3- Lạt ma là các thầy tu Mông Cổ và Tây Tạng.

4- Đạo sĩ

5- Thầy thuốc điều trị bệnh.

6 - Thợ và các người hành nghề tiểu công nghệ

7- Thợ săn thú

8- Ca kịch sĩ, con hát

9- Nho sĩ đạo Nho, đạo Khổng.

10- Ăn mày, những người nghèo khổ ăn xin.

Sự sắp xếp này hoàn toàn khác với lề lối sắp xếp Sĩ, nông, công, thương của TQ.

Mông Cổ rất khinh ghét đạo Nho, đạo Khổng được coi trên tụi ăn mày và ăn xin một chút. Dân du mục cần đồng cỏ nuôi gia súc, không cần nông dân canh tác nên bị coi thường, nằm ngoài 10 loại người kể trên.

Dưới sự cai trị của Mông Cổ, mọi sinh hoạt trong xã hội TQ có những thay đổi lớn.

- Người TQ nào được bổ dụng vào những chức vụ thường là cấp thấp đều phải học và nói tiếng Mông Cổ, theo tôn giáo của người Mông Cổ.

- Y phục phải bỏ kiểu cũ. Kiểu mới Mông Cổ là ống tay áo hẹp và khuy áo cài bên trái

- Tóc không được búi mà phải xếp thành 2 bím thả dài xuống lưng.

- Người TQ không được kết hôn với người Mông Cổ và người "sắc mục". Phạm luật sẽ bị xử rất nặng.

- Về luật pháp, có 2 hệ thống luật pháp khác nhau cho người Mông Cổ và người TQ. Cùng mắc tội ăn cắp, người Mông Cổ chỉ bị phạt vạ còn người TQ thì bị xâm vào tay, vào cổ, vào mặt.

Mắc tội giết người. Nếu người TQ giết người Mông Cổ hay "sắc mục" thì chẳng cần hỏi phải trái, kẻ sát nhân bị tử hình, gia đình còn phải chịu thêm tiền phạt vạ về ma chay chôn cất.

Nếu người Mông Cổ hay "sắc mục" giết người TQ thì kẻ sát nhân chỉ bị phạt vạ.

- Về tài sản thì bất cứ ruộng đất, nhà cửa, ngựa lừa khi nhà nước Mông Cổ cần là có quyền trưng thu.

- Về vũ khí, đồ bén nhọn, người TQ bị cấm tồn trữ các loại đao, búa, dao, hoặc các loại vũ khí khác. Cung tên cũng bị cấm sử dụng nên người TQ không được săn bắn. Năm gia đình mới được phép có 1 con dao cắt thịt.

- Về thi cử lúc đầu cấm người TQ không được dự các kỳ thi. Về sau được thi nhưng phải thi riêng không được thi chung với người Mông Cổ và "sắc mục". Nếu đậu thì tên được nêu trên một bảng riêng phía bên trái. Bảng bên phải dành cho Mông Cổ và "sắc mục".

Mông Cổ có loại chữ viết khác với chữ Hán, và dân TQ không được viết, đọc văn, diễn tuồng có lời phạm thượng Mông Cổ. Phạm tội bị tử hình. Chính vì chính sách cai trị quá khắc nghiệt đối với một nước TQ sống bằng nông nghiệp đã bị đói khổ vì đồng ruộng biến thành đồng cỏ mà Chu Nguyên Chương, con mồ côi của một nông dân nổi loạn và đã đánh đuổi được Mông Cổ ra khỏi đất nước. Dụng nên triều đại nhà Minh.

\* **Nhà Minh (1368-1644)** . Trương Phụ được lệnh xâm lăng VN với danh nghĩa phù Trần diệt Hồ (Hồ Quý Ly) vào năm 1414 và rút khỏi năm 1427. Nhưng từ năm 1478 nghĩa là 4 năm sau cuộc xâm lăng của Trương Phụ đã bị Lê Lợi nổi lên 1418 và đánh đuổi hết quân Minh vào năm 1427, nghĩa là mất 10 năm kháng chiến. Điều này chứng tỏ quân Minh không quá mạnh. Tuy đời nhà Minh có viên quan Trịnh Hòa gốc người Hồi Giáo đưa một hạm đội đi xa vào Đông Nam Á tới châu Phi, nhưng thực chất người TQ ít quan tâm đến biển cả. Nhật Bản luôn luôn là mối đe dọa cho TQ. Dọc theo chiều dài bờ biển, TQ luôn bị "Nụy Khấu" (giặc lùn) Nhật Bản cướp phá. Cuối thế kỷ 16. Năm 1560 Nhật Bản tấn công TQ qua sự chiếm đóng Triều Tiên và đã tiêu diệt khoảng 200,000 quân TQ. Cuộc chiến kéo dài tới năm 1598 mới ngưng, và từ đó triều đại nhà Minh suy sụp.

Triều đại nhà Minh là triều đại để ý rất nhiều đến việc tu bổ Vạn Lý Trường Thành để phòng quân phương Bắc tới chiếm. Dù phòng cẩn mật thế nào chăng nữa thì giồng dân Mãn Châu theo truyền thống nhiều đời vẫn hiếp đáp và cai trị TQ.

Đời Tống, dân Khiết Đan vùng Mãn Châu lập nên nước Liêu đã áp bức và tàn phá TQ. Rồi Liêu biến thành Đại Kim chiếm gần hết phía Bắc TQ, đẩy nhà Tống xuống phương Nam thành Nam Tống.

Nam Tống bị tiêu diệt hoàn toàn, cả nước TQ biến thành nước Nguyên (Mông Cổ).

Nhà Minh nổi lên đánh đuổi Mông Cổ sau 90 năm bị cai trị (1277-1367).

Nhà Minh lại bị quân Mãn Châu (con cháu Liêu và Đại Kim) đánh bại. Quân Mãn Châu gọi là Mãn Thanh. Cả nước TQ biến thành nước Thanh (Mãn Châu).

Tôn Dật Tiên nổi lên đánh đổ triều đại Mãn Thanh sau 267 năm bị Mãn Thanh cai trị (1644-1911).

Cả hai thời kỳ TQ bị mất nước do các nước Mông Cổ và Mãn Châu tới chiếm. Mông Cổ mở ra một đế quốc lớn nhất thế giới mà trong đó đất đai của TQ là một phần của đế quốc Mông Cổ.

Người Mãn Thanh cũng mở ra một đế quốc Mãn Thanh rất lớn bao gồm Mông Cổ, Tây tạng, Tân Cương mà trong đó đất đai của TQ cũng chỉ là một phần của đế quốc Mãn Thanh.

Sau cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1912, vua Phổ Nghi, Mãn Thanh bị lật đổ, đã phục quốc bằng sự giúp đỡ của Nhật Bản và nước Mãn Châu Quốc ra đời (4) như vậy trong Thế chiến thứ hai (1939-1945) trên bản đồ Á Châu phía Bắc TQ có hai nước độc lập là Mông Cổ và Mãn Châu. Trong thời kỳ Mãn Thanh cai trị TQ (1644-1911), họ cũng giống như Mông Cổ rất tàn nhẫn với nhân dân TQ. Họ áp dụng 2 chính sách cứng rắn và mềm dịu.

1- Chính sách cứng rắn gồm có những biện pháp sau đây:

- Y phục phải bỏ kiểu cũ, phải ăn mặc kiểu Mãn Châu (2).

- Tóc không được búi tóc mà đầu phía trước phải cạo sạch một nửa, nửa sau tóc kết thành một bím lớn và dài như đuôi ngựa thả xuống lưng. Thời Mông Cổ thì kết thành hai bím hai bên (3).

- Người TQ không được kết hôn với người Mãn Châu. Phạm tội sẽ bị xử tội rất nặng.

- Cấm người TQ không được lập xã (đoàn thể), lập hội.

- Cấm người TQ không được viết, đọc văn, diễn tuồng có lời phạm thượng nhà Thanh, có tư tưởng phục hồi nhà Minh. Phạm tội bị tử hình.

2/ Chính sách mềm dịu, dung nạp gồm những biện pháp sau đây:

- Xá tội cho các cựu thần nhà Minh một khi đã thần phục chế độ mới.

- Tha thứ cho một số thuế quá hà khắc.

- Giúp đỡ dân nghèo không có phương tiện mưu sinh.

- Cho người TQ được học hành thi cử.

- Được giữ các chức phụ tá cho người Mãn Thanh.

- Cả hai ngôn ngữ TQ và Mãn Châu đều được khuyến khích.

Mãn Thanh sau khi chiếm được toàn cõi TQ đã mở rộng đế quốc bằng cách chiếm đóng Đài Loan (1683), chiếm đóng Mông Cổ (1691), chiếm đóng Tây Tạng (1751) và chiếm đóng Tân Cương (1759).

Thế kỷ 19 là thời kỳ suy thoái của đế quốc Mãn Thanh. Nhật, Nga, Pháp, Đức, Anh, v.v.. đã xâm xé đế quốc này. Pháp xâm chiếm VN và VN yêu cầu Mãn Thanh cứu giúp. Thực tế Mãn Thanh quá yếu nhưng cố giữ cửa phía Nam nên đã giao tranh với quân Pháp và dùng vị trí VN để trao đổi với Pháp lấy một nền hoà bình phương Nam. Việc ký hoà ước 1885 của Pháp với Thanh là để thương lượng cho một tranh chấp giữa 2 quốc gia về một giải đất ảnh hưởng. Giải đất ấy thực tế không phải là của Pháp hay của Mãn Thanh.

## **Kết Luận**

VN-TQ là hai quốc gia có một định mệnh rất giống nhau. Đó là luôn luôn bị quốc gia phương Bắc khống chế và tìm cách chạy trốn về phương Nam. Để tồn tại cả VN và TQ nhiều khi đã chấp nhận những tủi nhục như cầu phong, triều cống phẩm vật và đôi khi cả người.

Mông Cổ và Mãn Châu là hai quốc gia truyền kiếp ức hiếp TQ qua mọi thời đại Hán, Đường, Tống, Minh.

Thế kỷ 17, 18, 19 và đầu thế kỷ 20 TQ là thuộc quốc của Mãn Thanh. Vua Quang Trung Nguyễn Huệ vào thời kỳ này đã đánh đuổi được quân Mãn Thanh và giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ. Thời kỳ đó TQ là thuộc quốc của Mãn Thanh, còn VN là một quốc gia độc lập với Mãn Thanh thì việc gộc giả Vương Hàn Lĩnh, một học giả của TQ hiện nay tuyên bố cho tới năm 1885 VN là thuộc quốc của TQ là một điều hết sức sai trái.

Các nhà sử học TQ thường hay viết mập mờ các triều đại Nguyên (Mông Cổ) và Mãn Thanh (Mãn Châu) là hai thời kỳ phong kiến trong lịch sử TQ (4). Phải nói lại thật đúng là hai thời kỳ ngoại bang cai trị TQ. Ngày nay còn lại trên bản đồ thế giới một nước Mông Cổ là hội viên của LHQ. Còn Mãn Châu Quốc đã bị tan biến mất một phần vào đất Nga, một phần vào đất TQ (sự kiện xảy ra vào năm 1945).

Từ khi có cuộc cách mạng Tân Hợi (1912) tại TQ và Mãn Thanh bị sụp đổ, vua Phổ Nghi vua của Mãn Thanh đã tìm một giải pháp chính trị trở về cố quốc là Mãn Châu Quốc. Ông cụ hoàng này, vào thế cùng, đã phải dựa vào thế lực của Nhật Bản là thế lực đối kháng với TQ. Mãn Châu Quốc được hồi sinh vào năm 1932 và được rất nhiều quốc gia trên thế giới công nhận.

Tiếc thay sự thù hận của Mỹ và của Nga đối với Nhật lại được đổ lên đầu vua Phổ Nghi là đồng minh của Nhật Bản. Người ta tuyên truyền rằng vì vua Phổ Nghi là tay sai, là bù nhìn của Nhật Bản nên Mãn Châu Quốc phải bị đập vỡ.

Khi đế quốc Mãn Thanh bị sụp đổ, các vùng đất bị đế quốc Mãn Thanh chiếm đóng, bao gồm cả TQ và các quốc gia khác như Nội Mông, Tân Cương, Tây Tạng cùng các quốc gia phiên thuộc (độc lập nhưng phải triều cống) như Cao Ly, VN, Miến Điện, Thái Lan trên nguyên tắc được buông thả để độc lập tự chủ. Nhưng người TQ nhân cơ hội đế quốc Mãn Thanh sụp đổ lại đưa ra các lý luận mập mờ rằng triều đại nhà Thanh của TQ nay không còn nhưng quốc gia TQ còn đó. Các đất đai của triều đại Mãn Thanh là đất đai của TQ. Kể cả Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông đều đưa ra lý luận vu vơ rằng người Tây phương (da trắng) và người Nhật Bản nhân cơ hội TQ yếu kém đã xâm chiếm đất đai và phiên thuộc của TQ, nay TQ có bổn phận phải thu hồi. Thời Mao Trạch Đông TQ cho in bản đồ mới bao gồm tất cả các quốc gia trên trong đó có VN thuộc vào lãnh thổ TQ. Điều này thật vô lý nếu ta thấy rằng sau khi đế quốc Anh sụp đổ mà Ấn Độ lại tuyên bố các vùng đất Miến Điện, Mã Lai, Singapore, Bhutan v.v.. thuộc về Ấn Độ và Ấn Độ có bổn phận thu hồi !. Điều vô lý này TQ vẫn cứ tuyên bố phải thực hiện.

Người TQ rất thích thú thấy người Mãn Châu nói tiếng TQ và coi đó là một yếu tố quan trọng để minh định Mãn Châu Quốc là đất của TQ. Thực tế trên thế giới có nhiều nước khác nhau nhưng nói cùng một ngôn ngữ và có cùng một văn hóa như nước Bỉ, nước Lục Xâm Bảo đối với nước Pháp, như nước Canada đối với Hoa Kỳ, nước Mễ Tây Cơ và nhiều nước nam Mỹ đối với nước Tây Ban Nha.

Việc TQ cho dân Mãn Châu Quốc có cùng ngôn ngữ, cùng văn hóa với TQ là công dân của TQ là sự cưỡng bức kẻ thất thế.

Dân TQ là một dân tộc có nền văn minh lớn, sống định cư, với lối sinh hoạt làng xã và đại gia đình, không thích rời quê cha đất tổ chỉ trừ những trường hợp bắt buộc (5). Điều này rất phù hợp với lối sống truyền thống VN.

Từ vấn đề địa lý, đến truyền thống sinh hoạt đã làm cho dân tộc đó không có năng khiếu và ham thích chiến tranh. Lịch sử TQ chỉ rõ dân TQ chạy xuống phương Nam và "tầm thực" cũng rất giống với lịch sử Nam Tiến của người VN. Nhưng cũng vì sự yếu kém của TQ mà VN tồn tại. Cũng vì sự yếu kém của VN mà nước Lào thênh thang kể bên VN vẫn còn nguyên vẹn. TQ có tính tham lam và thích phô trương nên đã tạo ra những mập mờ trong sử sách để họ mưu toan chiếm cứ các quốc gia lân bang. Lịch sử từ lâu đã không chiếm được thì giờ đây việc mở rộng đế quốc cũng chẳng dễ gì. Cái yếu của TQ và VN là người dân khó đoàn kết vì thế ngoại bang dễ ảnh hưởng và tạo ra rối loạn.

***Bùi Khiết***

#### **Tài liệu tham khảo:**

- Sử Trung Quốc - Nguyễn Hiến Lê, Văn Nghệ xuất bản, California 2003
- Trung Quốc Sử Cương - Phan Khoang, Dainam Co, California
- Việt Sử Toàn Thư - Phạm Văn Sơn, Tủ Sách Sử Học
- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim, Sống Mới, USA 1978
- Sử Ký - Tư Mã Thiên - Văn Học, Việt Nam 1994
- Histoire de la Chine et de la civilisation Chinoise - Tsui Chi, Payot 1948
- Tài liệu online Wikipedia về China, Mongolia, Manchouria

#### **Cước chú và ghi thêm:**

(1) Chủ điểm của bài viết về Mông Cổ xâm chiếm TQ nên lược bỏ về những vùng đất đai Mông Cổ đã chiếm và những cuộc chiến thất bại tại VN và Nhật Bản

(2) (3) Việc thay đổi y phục và kết bím để giống người Mãn Châu cũng có một liên quan tới một nhân vật lịch sử VN. Đó là ông Lê Quýnh bộ hạ của vua Lê Chiêu Thống chạy trốn sang TQ sau khi quân Thanh bị vua Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá. Vua Lê cứ kẻo nheo xin viện binh và mở lại một mặt trận nữa. Các quan Mãn Thanh biết là việc này không làm nổi nên muốn đày mỗi vị đi một nơi để hội nhập vào TQ. Lê Quýnh ra đi vì mục đích chính trị chống Tây Sơn chứ đâu muốn ty nạn nên tức tối trả lời khi bị ép thay đổi y phục và kết bím tóc. Ông nói "Đầu ta có thể chặt, chứ tóc ta không thể cắt. Da ta có thể lột chứ áo quần ta không thể đổi". Lê Quýnh bị chặt đầu chết bởi quân Mãn Thanh.

(4) Năm 1921 Mông Cổ tách được ra khỏi TQ và lập thành nước Cộng Hòa Mông Cổ. Từ ngày đó các sử gia Mông Cổ và chánh quyền Mông Cổ xác định triều đại nhà Nguyên là triều đại của lịch sử Mông Cổ chứ không phải là triều đại của lịch sử TQ. Họ tố cáo các sử gia TQ mập mờ đánh lận con đen để chính thức hóa sáp nhập Mông Cổ vào TQ và coi dân Mông Cổ như là một loại dân thiểu số của TQ. Như vậy cuộc chiến tranh dưới thời nhà Trần của VN là với Mông Cổ còn TQ chỉ là thuộc quốc của Mông Cổ. Không thể gọi "quân Nguyên là quân Tàu". Đây là một sự nhầm lẫn lớn.

Năm 1932 vua Phổ Nghi của triều đại Mãn Thanh bị cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Tôn Dật Tiên lật đổ, (Tôn Dật Tiên người gốc Quảng Đông dòng dõi Bách Việt nhưng "hồ hởi phần khởi" tự nhận là dân tộc Hán) đã tìm thế liên minh chính trị với Nhật Bản để thành lập Mãn Châu Quốc. Bằng sự kết hợp thông minh và khôn khéo Mãn Châu Quốc được thế giới công nhận. Năm 1932 có rất nhiều cường quốc trên thế giới gửi thư chúc mừng và có liên lạc ngoại giao với cấp bậc đại sứ. Vua Phổ Nghi lúc đó là Hoàng Đế của Mãn Châu Quốc niên hiệu Khang Đức, quốc hiệu Mãn Châu Đế Quốc. Ông Trịnh Hiếu Tư là thủ tướng đầu tiên.

Mãn Châu Quốc được Vatican công nhận, rồi lần lượt Nhật Bản (1932), Ý Đại Lợi (1937), Tây Ban Nha (1937), Đức (1938), Ba Lan (1939), Hungary (1939), Slovakia (1940), Romania (1940), Bulgaria (1941) (Phần Lan (1941), Croatia (1941), Thái Lan (1941), Pháp (1941), Liên Xô (1941) và cả chính quyền TQ (Uông Tinh Vệ) (1941),v.v...

Buồn thay vì thế chính trị của Mãn Châu Quốc liên kết và có ảnh hưởng của Nhật Bản (cũng như miền Bắc VN) liên kết và có ảnh hưởng của TQ trước năm 1975) mà bị hai nước lớn nhất lúc bấy giờ là Hoa Kỳ và Liên Xô nhìn với con mắt rất thù ghét. Hoa Kỳ thù Nhật Bản về các mặt trận ác liệt tại Trân Châu Cảng và tại Thái Bình Dương do Nhật Bản gây ra > Liên Xô hay nước Nga thời trước cách mệnh vô sản (1917) thù ghét vì Nhật đã đại thắng nước Nga trong một cuộc chiến tranh chớp nhoáng (1904-1905). Sự thù hận của hai nước này lại đổ lên đầu Mãn Châu Quốc. Sau thế chiến 1945, họ coi Mãn Châu Quốc là tay sai của Nhật Bản cần phải trừng trị. Va tốt nhất được làm món quà thưởng cho đồng minh TQ. Vua Phổ Nghi trở thành tù nhân của người TQ và nước Mãn Châu bị xé nát. Liên Xô chiếm một mảng gọi là Ngoại Mãn Châu và TQ chiếm một mảng gọi là Nội Mãn Châu. Sau khi được chia phần, TQ di rất nhiều dân tới vùng này. Mãn Châu Quốc bị xóa nhòa trên bản đồ thế giới.

Từ năm 1932 các sử gia Mãn Thanh luôn luôn xác nhận triều đại Mãn Thanh thuộc lịch sử của Mãn Châu Quốc, vào thời đó TQ là thuộc quốc của Mãn Châu. Chiến tranh giữa VN do vua Quang Trung lãnh đạo là đánh nhau với quân Mãn Thanh, còn TQ chỉ là thuộc quốc của Mãn Thanh. Vậy không thể gọi "quân Mãn Thanh là quân Tàu". Đây cũng lại là một sự nhầm lẫn lớn nữa.

Hiệp ước 1885 giữa người Pháp và triều đình nhà Thanh là hiệp ước của hai nước Pháp và Mãn Châu tranh dành ảnh hưởng trên vùng đất VN. Việt Nam, theo học giả Vương Hàn Lĩnh của TQ hiện nay được cho là thuộc quốc của TQ cho đến năm 1885 là vô cùng vô lý. Vì vào 3 thế kỷ 17, 18, 19 TQ là thuộc quốc của Mãn Châu thì VN làm sao lại là thuộc quốc của TQ ?!. Các sử gia TQ cứ mập mờ một cách cố ý để rồi nhận vợ các nước lân bang là đất đai cũ của mình bị người da trắng chiếm mất, nay cần thu hồi.

(5) Chính sách khắt khe, tàn ác của người Mãn Châu đối với người TQ và nhất là quyết tâm tiêu diệt tàn dư triều đại nhà Minh khiến đã xô đẩy rất nhiều "thuyền nhân" TQ dùng ghe thuyền chạy trốn xuống các quốc gia Đông Nam Á. Riêng tại VN, nhóm Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch vào lạy lục chúa Nguyễn Phúc Tần xin định cư tại Biên Hòa, làm ruộng, khai rừng và buôn bán. Nhóm Mạc Cửu đổ bộ lên đất Hà Tiên lập ra một vùng trù phú độc lập. Nhưng rồi vì thế yếu cũng xin quy phục chúa Nguyễn. Nhiều nhóm nhỏ khác đổ bộ vào miền Nam VN đều được người VN thương hại giúp đỡ định cư. Họ gọi những người TQ này là người Minh. Nơi làng xóm người Minh trú ngụ gọi là Minh hương (làng người Minh). Ngày nay Minh hương có nghĩa rộng chỉ người TQ tới lập nghiệp tại miền Nam VN.

Xã hội TQ có thứ tự : Sĩ, nông, công, thương. VN cũng bắt chước theo thứ tự đó. Người TQ khi định cư tại VN rất khó tiến thủ về học vấn, trừ một số ít, vì có sự kỳ thị. Tiến thủ học vấn liên quan tới cương vị chỉ huy. Ruộng đất canh tác vừa khó nhọc vừa hiếm và ở nơi xa nên họ chọn đi vào thương nghiệp, buôn bán nhỏ và tiệm ăn. Đây là lựa chọn bắt buộc mà lại thành công lớn vì xã hội cổ VN rất kỳ thị nghề buôn bán. Coi thương nhân là người không lương thiện nên người VN không thích làm nghề này. Bản chất người TQ không giỏi về thương nghiệp, nhưng khi di tản ra nước ngoài thì nghề buôn giúp gia đình sống độc lập và tránh được các kỳ thị của người dân bản địa. Từ đó nghề dạy nghề, truyền thống được tinh luyện khiến họ rất giỏi và rất đoàn kết tạo thành công lớn trên thương trường